

Số: 43/2022/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 29 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Xét Tờ trình số 252/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 82/BC-BKTNS ngày 24 tháng 12 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Điều 2. Nội dung chi cho các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

Căn cứ tính chất của từng hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được ngân sách nhà nước bố trí kinh phí cho cơ quan, đơn vị được giao chủ trì nhiệm vụ thực hiện chi theo những nội dung sau:

1. Tổng kết việc thi hành pháp luật hiện hành, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội; tập hợp, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan phục vụ quá trình nghiên cứu, lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự kiến chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

3. Dịch, hiệu đính tài liệu dịch, văn bản tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số sang tiếng Việt; dịch, hiệu đính tài liệu dịch, văn bản tiếng Việt sang tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số.

4. Lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

5. Tổ chức soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật.

6. Đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; đánh giá tác động của chính sách trong dự án; dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng báo cáo lồng ghép vấn đề bình đẳng giới (nếu có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới); xây dựng bản đánh giá thủ tục hành chính (nếu có quy định thủ tục hành chính).

7. Tổ chức Hội đồng tư vấn thẩm định, Hội đồng thẩm định, Hội đồng thẩm tra; lấy ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học (trong trường hợp cần thiết).

8. Xây dựng báo cáo thẩm định, thẩm tra, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; văn bản góp ý.

9. Chính lý, hoàn thiện các loại đề cương, tờ trình, báo cáo, dự thảo văn

bản.

10. Chi mua văn phòng phẩm, in ấn, sao chụp tài liệu phục vụ trực tiếp cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Điều 3. Định mức chi cho các nội dung trong các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

1. Mức chi cho các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật thực hiện theo Biểu mức chi cho công tác xây dựng văn bản pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và hoàn thiện hệ thống pháp luật ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Ngoài việc thực hiện theo mức chi cho những nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, mức chi cho những nội dung khác được thực hiện và áp dụng theo các chế độ chi tiêu tài chính hiện hành, gồm:

a) Đối với các khoản chi công tác phí cho cán bộ đi công tác trong nước, chi để tổ chức các cuộc họp, hội nghị, tọa đàm, sơ kết, tổng kết thực hiện theo quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

b) Đối với các khoản chi cho việc tổ chức các đoàn đi khảo sát ở nước ngoài thực hiện theo quy định về chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đài thọ;

c) Đối với việc tổ chức các cuộc điều tra, khảo sát, điều tra xã hội học được thực hiện theo quy định hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra từ nguồn ngân sách nhà nước;

d) Đối với các khoản chi lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hóa phục vụ cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập tin điện tử thuộc công nghệ thông tin và các quy định hiện hành về công nghệ thông tin, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu;

đ) Chi rà soát, hệ thống hóa văn bản phục vụ trực tiếp công tác xây dựng văn bản và hoàn thiện hệ thống pháp luật thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp hướng dẫn về quản lý và sử dụng kinh phí cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

e) Chi mua văn phòng phẩm, in ấn, sao chụp tài liệu phục vụ trực tiếp cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp, trong phạm vi dự toán được giao.

(Phụ lục kèm theo)

Điều 4. Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

1. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân.

Đơn vị tính: Đồng/văn bản

STT	Loại văn bản	Cấp ban hành văn bản	Định mức phân bổ
1	Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân ban hành mới hoặc thay thế	Cấp tỉnh	30.000.000
		Cấp huyện	15.000.000
		Cấp xã	10.000.000
2	Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân ban hành mới hoặc thay thế	Cấp tỉnh	20.000.000
		Cấp huyện	10.000.000
		Cấp xã	8.000.000
3	Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân ban hành sửa đổi, bổ sung	Cấp tỉnh	24.000.000
		Cấp huyện	12.000.000
		Cấp xã	8.000.000
4	Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân ban hành sửa đổi, bổ sung	Cấp tỉnh	16.000.000
		Cấp huyện	8.000.000
		Cấp xã	6.400.000

2. Ngoài định mức phân bổ kinh phí quy định tại khoản 1 Điều này, căn cứ vào khả năng nguồn kinh phí, trong trường hợp cần thiết thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì sắp xếp, bố trí một khoản kinh phí từ nguồn ngân sách chi thường xuyên đã được giao để hỗ trợ cho việc thực hiện các hoạt động có liên quan trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

3. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định không ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã xây dựng xong hoặc dừng lại không xây dựng tiếp; cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng văn bản được phép thanh, quyết toán phần kinh phí đã thực hiện tương ứng theo quy định về nội dung chi, mức chi tại Nghị quyết này trên cơ sở chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định của pháp luật.

4. Các nội dung khác thực hiện theo Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính và Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Các khoản chi ngoài lương của cán bộ, công chức, viên chức có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước được quy định tại Nghị quyết này và tại các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được thực hiện cho đến khi thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính

sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

4. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 103/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 07 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X, Kỳ họp thứ Mười Bốn thông qua ngày 27 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 09 tháng 01 năm 2023.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban ngành tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- UBND cấp huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng Công tác HĐND;
- Trang hồ sơ công việc;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Mai Văn Huỳnh

Phụ lục

**BIỂU MỨC CHI CHO CÔNG TÁC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN,
ỦY BAN NHÂN DÂN VÀ HOÀN THIỆN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 43//2022NQ-HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Soạn thảo đề cương chi tiết dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân				
1.1	Văn bản được ban hành mới hoặc thay thế	Đồng/Đề cương	1,500,000	750,000	600,000
1.2	Văn bản sửa đổi, bổ sung	Đồng/Đề cương	950,000	500,000	400,000
2	Soạn thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân				
2.1	Văn bản được ban hành mới hoặc thay thế	Đồng/Dự thảo văn bản	4,800,000	2,500,000	2,000,000
2.2	Văn bản sửa đổi, bổ sung	Đồng/Dự thảo văn bản	4,000,000	2,100,000	1,700,000
3	Soạn thảo các báo cáo phục vụ công tác xây dựng văn bản và hoàn thiện văn bản				
3.1	Soạn thảo Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Đồng/Tờ trình	3,000,000		
3.2	Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý đối với văn bản được ban hành mới hoặc thay thế				
a	Đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Đồng/văn bản	900,000		
b	Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân	Đồng/văn bản	900,000	450,000	350,000
3.3	Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý đối với văn bản sửa đổi, bổ sung				
a	Đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Đồng/văn bản	600,000		
b	Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân	Đồng/văn bản	600,000	300,000	200,000
3.4	Báo cáo nhận xét, đánh giá của người phản biện, thành viên hội đồng thẩm định, báo cáo tham luận theo đơn đặt hàng của cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo				
a	Đối với văn bản được ban hành mới hoặc thay thế				
-	Đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Đồng/báo cáo	500,000	0	0
-	Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân	Đồng/báo cáo	500,000	280,000	220,000
b	Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung				
-	Đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Đồng/báo cáo	300,000		
-	Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân	Đồng/báo cáo	300,000	160,000	120,000
3.5	Báo cáo đánh giá tác động của chính sách	Đồng/báo cáo	8,000,000	4,800,000	3,800,000
3.6	Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án, dự thảo (nếu trong dự án, dự thảo có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới)	Đồng/báo cáo	2,000,000	1,000,000	750,000
3.7	Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo văn bản (nếu trong dự án, dự thảo có quy định thủ tục hành chính)	Đồng/báo cáo	2,000,000	1,000,000	750,000
3.8	Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	Đồng/báo cáo	4,000,000	2,000,000	1,500,000



3.9	Báo cáo kinh nghiệm nước ngoài liên quan đến đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	Đồng/báo cáo	3,000,000	1,500,000	1,100,000
3.10	Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật				
a	Báo cáo tổng hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Sở Tư pháp chủ trì xây dựng trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tư pháp	Đồng/báo cáo	6,800,000		
b	Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp; các sở, ban, ngành cấp tỉnh chủ trì xây dựng gửi Sở Tư pháp	Đồng/báo cáo	5,000,000	5,000,000	
c	Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp xã; các phòng, ban, ngành cấp huyện chủ trì xây dựng gửi Phòng Tư pháp	Đồng/báo cáo		1,800,000	1,350,000
d	Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo chuyên đề, đột xuất	Đồng/báo cáo	10,000,000	5,000,000	3,750,000
	Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật đột xuất	Đồng/báo cáo			
đ	Báo cáo tình hình xử lý kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật	Đồng/báo cáo	5,000,000	2,500,000	
4	Soạn thảo văn bản góp ý, báo cáo thẩm định, thẩm tra văn bản				
4.1	Văn bản góp ý				
a	Đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Đồng/văn bản	350,000		
b	Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân	Đồng/văn bản	350,000	200,000	160,000
4.2	Báo cáo thẩm định, báo cáo thẩm tra				
a	Đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Đồng/báo cáo	750,000		
b	Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân	Đồng/báo cáo	750,000	400,000	320,000
5	Chỉnh lý hoàn thiện đề cương nghiên cứu, các loại báo cáo, tờ trình văn bản, dự thảo văn bản				
		Đồng/lần chỉnh lý	300,000	160,000	120,000
6	Cá nhân tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị phục vụ công tác xây dựng dự kiến chương trình, soạn thảo, đánh giá				
6.1	Người chủ trì	Đồng/người/cuộc họp	150,000	120,000	90,000
6.2	Các thành viên tham dự	Đồng/người/cuộc họp	100,000	80,000	60,000
6.3	Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự	Đồng/văn bản	400,000	200,000	150,000
7	Lấy ý kiến tư vấn của chuyên gia độc lập (nếu có): Trong trường hợp đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; đề nghị, dự kiến chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; tờ trình, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và các báo cáo chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp phải lấy ý kiến tư vấn, phân biện của các chuyên gia độc lập.				
		Đồng/báo cáo	1,500,000	800,000	600,000
8	Thuê dịch và hiệu đính tài liệu				
8.1	Dịch tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt	Đồng/trang (350 từ)	150,000	150,000	150,000
8.2	Dịch tài liệu từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài	Đồng/trang (350 từ)	180,000	180,000	180,000
8.3	Dịch tài liệu từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số và ngược lại	Đồng/trang (350 từ)	150,000	150,000	150,000
8.4	Hiệu đính tài liệu dịch	Đồng/trang (350 từ)	60,000	60,000	60,000
8.5	Đối với một số ngôn ngữ không phổ thông mức chi biên dịch được phép tăng so với mức chi biên dịch nêu trên	Đồng/trang (350 từ)	Tăng tối đa 30%	Tăng tối đa 30%	Tăng tối đa 30%